

Số:165/2025/QĐST-HNGĐ

Cà Mau, ngày 12 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa:
- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Kim T**, sinh ngày 29/9/1984; Địa chỉ: Số H, đường V, Khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Ông **Trần Trung T1**, sinh ngày 14/01/1982; Địa chỉ: Số H, đường V, Khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thị Kim T và ông Trần Trung T1.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim T và ông Trần Trung T1 thống nhất thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Giao cháu Trần Trung T2, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2008 cho ông Trần Trung T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện nay cháu Trung T2 sống chung với ông T1), ông Trần Trung T1 không yêu cầu bà Lưu Thị Kim T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, bà Lưu Thị Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; Đối với Trần Thị Thanh T3, sinh ngày 01/02/2002 và Trần Thị Thảo T4, sinh ngày 19/3/2004, đủ 18 tuổi, sống tự lập được, ông T1 và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Kim T và ông Trần Trung T1 thống nhất tự thỏa thuận được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Bà Lưu Thị Kim T và ông Trần Trung T1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình thuận tình ly hôn là 150.000đ, bà Lưu Thị Kim T tự nguyện chịu toàn bộ, nên buộc bà Lưu Thị Kim T phải nộp số tiền 150.000đ. Do bà Lưu Thị Kim T đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004690, ngày 17 tháng 11 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau, nay chuyển thu án phí số tiền 150.000đ; Bà Lưu Thị Kim T được hoàn lại số tiền 150.000đ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Từ Văn Nhứt